

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28-7-2021

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Kim Loan;

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Minh Tân
2. Ông Nguyễn Đình Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Quỳnh Nương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: không.

Ngày 28 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 214/2021/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 6 năm 2021 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 89/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2021, giữa đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Y, sinh năm: 1978. Hộ khẩu thường trú: thôn 2, xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Chỗ ở hiện nay: Số nhà 331, đường C, khu phố 5, thị trấn V, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Có đơn xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn T, sinh năm: 1976; địa chỉ: thôn Khánh Lạc, xã Nghĩa Hà, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Có đơn xin vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 05 tháng 5 năm 2021, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận vào năm 1996. Thời gian đầu sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 3 năm. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung về tình cảm cũng như về kinh tế nên ông T về Quảng Ngãi sinh sống từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân một thời gian dài và không thể hàn gắn được tình cảm. Nay bà Nguyễn Thị Y xin ly hôn với ông Nguyễn T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn T có một con chung là Nguyễn Thị Ánh T1, sinh năm: 1996, hiện nay chị T1 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Bị đơn ông Nguyễn T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Y tự nguyện tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận vào năm 1996. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Ông T và bà Y sống ly thân từ năm 1999 cho đến nay. Nay bà Nguyễn Thị Y xin ly hôn với ông Nguyễn T, ông T đồng ý.

- Về con chung: Ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Y có 01 con chung là Nguyễn Thị Ánh T1, sinh năm: 1996, hiện nay chị T1 đã trưởng thành và có gia đình riêng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bị đơn ông Nguyễn T có nơi cư trú hiện nay tại thôn T, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn T đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; căn cứ quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Năm 1996, bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn T tự nguyện tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn T là hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn, bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giống nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau. Từ năm 1999, ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Y sống ly thân cho đến nay, bà Y và ông T không thể hàn gắn được tình cảm. Bà Nguyễn Thị Y xin ly hôn với ông Nguyễn T và ông T đồng ý, ông T đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nhiều lần vì mâu thuẫn quá trầm trọng, không thể hàn gắn được và xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng của vụ án, chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà Y và ông T quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Y, bà Nguyễn Thị Y được ly hôn với ông Nguyễn T.

[3.2] Về con chung: Ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Y có 01 con chung là Nguyễn Thị Ánh T1, sinh năm: 1996, hiện nay chị T1 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn T đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Y phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Y. Bà Nguyễn Thị Y được ly hôn với ông Nguyễn T.

2. Về con chung: Ông Nguyễn T và bà Nguyễn Thị Y có 01 con chung là Nguyễn Thị Ánh T1, sinh năm: 1996, hiện nay chị T1 đã trưởng thành và có gia đình riêng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Y và ông Nguyễn T đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Y phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0007045 ngày 01-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND Tp. Quảng Ngãi;
- CCTHADS Tp. Quảng Ngãi;
- UBND xã N,  
huyện Đ,  
tỉnh Bình Thuận.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Kim Loan**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Minh Tân Nguyễn Thị Anh Thư**

**Lê Thị Kim Loan**